

1. **Tên thuốc**
Stadleucin
2. **Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc**
Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
3. **Thành phần công thức thuốc**
Thành phần hoạt chất:
Acetyllecine..... 500 mg
Thành phần tá dược:
Microcrystallin cellulose, tinh bột tiền hồ hóa, tinh bột natri glycolat, povidon K30, croscarmellose natri, magnesi stearat
4. **Dạng bào chế**
Viên nén.
Viên nén dài, màu trắng, hai mặt khum, trơn.
5. **Chỉ định**
Điều trị triệu chứng cơn chóng mặt.
6. **Cách dùng, liều dùng**
Cách dùng
Liều hàng ngày chia làm 2 hay 3 lần, nên dùng vào bữa ăn.
Liều dùng
Người lớn:
Đường uống: 1,5 - 2 g/ngày (tương ứng 3 đến 4 viên mỗi ngày) thời gian điều trị từ 10 ngày đến 5 hoặc 6 tuần.
Khi bắt đầu điều trị, hoặc khi điều trị không hiệu quả, có thể tăng liều lên đến 3 g hoặc 4 g mỗi ngày mà không gặp trở ngại nào.
Trẻ em: Chưa tìm thấy tài liệu công bố.
7. **Chống chỉ định**
– Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
– Phụ nữ có thai và cho con bú (do thiếu dữ liệu lâm sàng).
8. **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**
Chưa có báo cáo.
9. **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**
Do thiếu dữ liệu thực nghiệm trên động vật và người, thận trọng không dùng acetyllecine cho phụ nữ có thai và cho con bú.
10. **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**
Chưa biết.
11. **Tương tác, tương kỵ của thuốc**
Tương tác của thuốc
Chưa rõ.
Tương kỵ của thuốc
Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.
12. **Tác dụng không mong muốn của thuốc**
Rất hiếm (ADR < 1/10.000): Phát ban da (đôi khi kết hợp với ngứa), nổi mề đay.
13. **Quá liều và cách xử trí**
Điều trị hỗ trợ triệu chứng khi xảy ra quá liều.
14. **Đặc tính dược lực học**
Nhóm dược lý: Thuốc chống chóng mặt.
Mã ATC: N07CA04.
Chưa tìm thấy tài liệu nào khác công bố ngoài nội dung: Acetyllecine là thuốc trị chóng mặt có cơ chế tác dụng chưa rõ.
15. **Đặc tính dược động học**
Đường uống: Nồng độ đỉnh trong huyết tương của acetyllecine đạt được khoảng 2 giờ sau khi uống.
16. **Quy cách đóng gói**
Ví 10 viên. Hộp 3 vỉ.
Ví 10 viên. Hộp 10 vỉ.
17. **Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc**
17.1. **Điều kiện bảo quản**
Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô, tránh ẩm. Nhiệt độ không quá 30°C.
17.2. **Hạn dùng**
24 tháng kể từ ngày sản xuất.
17.3. **Tiêu chuẩn chất lượng**
TCCS.
18. **Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc**



STELLA

Công ty TNHH LD Stellapharm - Chi nhánh 1
Số 40 đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore
P. An Phú, Tx. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT: (+84 274) 3767 470 Fax: (+84 274) 3767 469



STELLA